

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2024
V/v “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiên

Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐ-TA ngày 04/6/2024**, giữa:

*Nguyên đơn: **Bùi Thị K**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Tổ C, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**. (Có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn: **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Tổ C, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị K** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị **Bùi Thị K** và anh **Nguyễn Hữu T** kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước** theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14/3/2016.

Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2022 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh **T** thường xuyên đi nhậu, về nhà say xỉn còn có hành vi đánh đập chị **K**, tuy không gây thương tích nặng nhưng làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị **K**, nhiều lần chị **K** đã động viên để anh **T** thay đổi để chăm lo cho gia đình, nhưng anh **T** vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Nay chị **K**

xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống chị K và anh T có 03 con chung tên là Bùi Thị Hồng L, sinh ngày 13/02/2015; Nguyễn Hồng Thiên Y, sinh ngày 17/7/2020 và Nguyễn Hữu B, sinh ngày 03/12/2021. Khi ly hôn chị K yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Bùi Thị K kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14/3/2016 như chị K trình bày là đúng.

Quá trình chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc, từ tháng 10 năm 2023 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không biết thể hiện tình cảm, quan tâm đến vợ con. Tuy nhiên mọi kinh tế trong gia đình đều do anh T lo hết, do chị K ở nhà chăm con nên không đi làm được. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn còn yêu thương vợ và không muốn ly hôn làm ảnh hưởng đến con cái nên không đồng ý ly hôn, mong chị K cho cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, nuôi các con khôn lớn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 03 con chung tên là Bùi Thị Hồng L, sinh ngày 13/02/2015; Nguyễn Hồng Thiên Y, sinh ngày 17/7/2020 và Nguyễn Hữu B, sinh ngày 03/12/2021. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý giao 03 con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi và không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (TTDS); nguyên đơn thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của chị **Bùi Thị K** và anh **Nguyễn Hữu T**. Giao 03 con chung là cháu **Bùi Thị Hồng L**, sinh ngày 13/02/2015; Nguyễn Hồng Thiên Y, sinh ngày 17/7/2020 và **Nguyễn Hữu B**, sinh ngày 03/12/2021 cho chị **Bùi Thị K** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị **Bùi Thị K** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con với anh **Nguyễn Hữu T**, các vấn đề khác xác định là không có nên không yêu cầu. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn **Nguyễn Hữu T** cư trú tại **tổ C, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn **Bùi Thị K** và bị đơn **Nguyễn Hữu T** nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Xét cần áp dụng **Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015** để xét xử vắng mặt chị **K**, anh **T**.

3. Yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị K** và anh **Nguyễn Hữu T** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước**. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành. Chị **Bùi Thị K** cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2022 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh **T** thường xuyên đi nhậu, về nhà say xỉn còn có hành vi đánh đập chị **K**; anh **T** không quan tâm đến vợ con điều này cũng được anh **T** thừa nhận. Mặt khác anh **T** cũng trình bày do tính tình không biết thể hiện tình cảm quan tâm đến vợ con. Qua xác minh được biết, chị **K** và anh **T** có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Điều đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh **T** xác định vẫn còn yêu thương vợ và mong muốn chị **K** cho cơ hội để anh **T** thay đổi

và đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hoà giải, đoàn tụ gia đình nhưng anh **T** vắng mặt, điều này thể hiện anh **T** thờ ơ, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị **K** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị **K** và anh **T** có 03 con chung là cháu **Bùi Thị Hồng L**, sinh ngày 13/02/2015; Nguyễn Hồng Thiên Y, sinh ngày 17/7/2020 và **Nguyễn Hữu B**, sinh ngày 03/12/2021 hiện các con đang sống cùng chị **K**. Chị **K** có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với các con chung, anh **T** cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị **K** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị **K** và anh **T** nên cần ghi nhận, mặt khác cháu **Bùi Thị Hồng L** có nguyện vọng được ở cùng chị **K**, cháu **Nguyễn Hữu B** còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, cần áp dụng các điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao 03 con chung **Bùi Thị Hồng L**, Nguyễn Hồng Thiên Y, **Nguyễn Hữu B** cho chị **K** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị **K** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Tuyên xử cho chị **Bùi Thị K** được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu T**.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu **Bùi Thị Hồng L**, sinh ngày 13/02/2015; Nguyễn Hồng Thiên Y, sinh ngày 17/7/2020 và **Nguyễn Hữu B**,

sinh ngày 03/12/2021 cho chị **Bùi Thị K** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong thời gian nuôi con, các bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác:* Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn chị **Bùi Thị K** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010042 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện KSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú;
- UBND xã xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nguyên Hoàng